

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/DS-PT  
Ngày 19- 5 – 2020  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự - mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Liên Hiệp

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Vạng  
Bà Trương Thị Bích Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Nguyễn Văn Phụng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11/5/2020 và ngày 19/5/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLPT- DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự – mua bán tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Lương Văn L, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 411A, ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn:* Đào Thị Kiều P (U), sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 39, ấp Z, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đào Thị Bích T, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 411A, ấp A, xã Mỹ An Hưng B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

*Người làm chứng:* Bà Trần Kim K, 55 tuổi (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 59, ấp F, xã J, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Kháng cáo: Ông Lương Văn L là nguyên đơn của vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 13/6/2019 của ông Lương Văn L, các Biên bản lấy lời khai, trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông L trình bày:

Vào ngày 20/02/2019 (âm lịch), ông L có bán cho bà P 02 công khoai môn (mỗi công diện tích 1.300 m<sup>2</sup>). Hai bên thỏa thuận mua bán như sau:

- Củ cái nguyên trên 500g giá 10.000 đồng/kg;
- Củ cái sam ít trên 500g giá 6.000 đồng/kg;
- Củ cái sam đẻo trên 500g giá 4.000 đồng/kg;
- Củ cái nguyên dưới 500g giá 6.000 đồng/kg.

Còn giáo khoai được trừ vào tiền công đào và xe chuyên chở, nhưng tiền khoai bà P nói chậm có.

Ông L không trực tiếp thỏa thuận mua bán khoai với bà P mà do bà T (vợ ông L) là người tham gia thỏa thuận với bà P. Việc thỏa thuận mua bán không làm hợp đồng, không có văn bản.

Đến ngày 25/02/2019 (âm lịch), bà P cho nhân công vào đào khoai. Sau khi đào khoai xong, bà P cho chở toàn bộ khoai về kho của bà P. Khoai sau khi được lựa xong có số lượng như sau:

- Củ cái nguyên, trên 500g được 1.971kg, trừ 31kg bao bì, còn 1.940kg giá 10.000 đồng/kg, thành tiền là 19.400.000 đồng.
- Củ cái sam ít, trên 500g được 1.600kg, giá 6.000 đồng/kg, thành tiền là 9.600.000 đồng.
- Củ cái sam đẻo, trên 500g được 146kg, giá 4.000 đồng/kg, thành tiền là 584.000 đồng.
- Củ cái nguyên dưới 500g được 40kg, giá 6.000 đồng/kg, thành tiền là 240.000 đồng.

Số lượng khoai cụ thể được phía bà P ghi nhận trên giấy giao cho ông L giữ.

Số tiền khoai ông L bán được tổng cộng là 29.824.000 đồng.

Vào ngày 15/3/2019, bà P đã đưa trước cho ông L số tiền cọc là 5.000.000 đồng. Số tiền bán khoai còn lại bà P chưa thanh toán cho ông L. Nay ông L yêu cầu bà Đào Thị Kiều P (U) trả cho ông số tiền mua bán khoai môn còn lại 24.824.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

\* Tại Tờ tường trình ngày 08/7/2019 của bà Đào Thị Kiều P (U); Tại các biên bản lấy lời khai của đương sự đối với bà P; Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà P trình bày:

Vào ngày 20/02/2019 (âm lịch), bà T (vợ ông L) có kêu bà P bán 02 công khoai môn. Nhưng bà P không đồng ý mua do giá khoai đang xuống thấp. Đến ngày 26/02/2019 (âm lịch), bà T tiếp tục đến tận kho kêu bà P mua khoai. Nhưng do giá

khoai lúc bấy giờ thấp nên bà P nói với bà T về bàn bạc với ông L để bà P bán khoai dùm cho bà T. Nếu bà P bán khoai dùm, sau khi trừ tất cả chi phí, còn lại bao nhiêu tiền bà P sẽ giao cho bà T bấy nhiêu.

Sau đó, bà T về bàn bạc với ông L và gọi điện thoại cho bà P. Hai bên đồng ý để bà P bán dùm khoai, đồng ý nhổ khoai nhưng chờ qua đám giỗ cha ruột ông L xong mới thực hiện. Bà T và ông L nhờ bà P thuê người gọi nhân công nhổ khoai, chuyên chở khoai về kho, lựa khoai....Bà P đồng ý.

Đến ngày 30/02/2019 (âm lịch), bà P cho nhân công vào đào khoai, sau đó chở khoai lên thành phố Hồ Chí Minh bán. Bà P bán được số lượng khoai cụ thể như sau:

- Củ cái nguyên trên 500g được 1.971kg, trừ 30kg bao bì, còn lại 1.941kg bán được giá 8.000đồng/kg, thành tiền là 15.528.000 đồng.

- Củ cái dạt (săm ít trên 500g) được 1.600kg, trừ 100kg khoai hỏng, còn lại 1.500kg, bán được giá 4.000đồng/kg, thành tiền là 6.000.000 đồng.

- Củ giáo bắp được 1.700kg, trừ 900kg khoai hỏng, còn lại 800kg, bán được giá 2.000đồng/kg, thành tiền là 1.600.000 đồng.

- Củ cái dạt (săm dẹt trên 500g) được 146kg, bán với giá 1.000 đồng/kg, thành tiền là 146.000 đồng.

- Củ cái nhỏ (dưới 500g) được 40kg, bán với giá 5.000 đồng/kg, thành tiền là 200.000 đồng.

Số tiền khoai bán được tổng cộng là 23.474.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bà P còn trình bày: số lượng khoai giáo chẻ bị hỏng không bán được là 1.475kg nhưng bà P thống nhất số lượng khoai này có giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Bà P thống nhất số tiền bán khoai của ông L, bà T tổng cộng là 24.474.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Bà P trừ các chi phí cụ thể như sau:

- Tiền công đào khoai là 800.000 đồng;
- Tiền kêu nhân công là 300.000 đồng;
- Tiền công lật khoai là 6.932kg x 600 đồng/kg thành tiền là 4.159.000 đồng;
- Tiền xe chở khoai 04 chuyến x 150.000 đồng/chuyến thành tiền là 600.000 đồng;

- Tiền xe chở khoai lên thành phố Hồ Chí Minh bán (bao gồm phí công đoàn 100 đồng/kg) x số lượng khoai là 4.371 kg x 500 đồng/kg, thành tiền là 2.185.000 đồng;

- Tiền bao bọc dây, nhân công ở kho là 780.000 đồng;

- Tiền bà T (vợ ông L) mượn trước là 5.000.000 đồng.

Tổng các khoản nói trên là 13.824.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Khấu trừ:

Số tiền bán khoai là 24.474.000 đồng – Chi phí, tiền mượn là 13.824.000 đồng = 10.650.000 đồng.

Vì vậy, bà P chỉ đồng ý giao lại cho ông L, bà T số tiền còn lại là 10.650.000 đồng (Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

\* Tại Biên bản lấy lời khai đương sự vào ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện V đối với bà Đào Thị Bích T, bà T trình bày:

Bà T là vợ ông L.

Vào ngày 20/02/2019 (âm lịch), bà T có đến gặp bà P để kêu bán 02 công khoai môn. Bà P đồng ý mua khoai với giá:

- Khoai loại 1 (củ cái nguyên trên 500g) có giá 10.000 đồng/kg;
- Củ sam ít trên 500g có giá 6.000 đồng/kg;
- Củ cái sam đẻo có giá trên giá 4.000/kg;
- Củ cái nguyên dưới 500g có giá 6.000 đồng/kg.

Còn giáo khoai, bà P lấy để trả tiền công, tiền xe... Bà T đồng ý giá khoai do bà P đưa ra.

Bà P nói vào ngày 24/02/2019 (âm lịch) đào khoai. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bà P đã hẹn đến ngày 25/02/2019 (âm lịch) đào.

Vào ngày 25/02/2019 (âm lịch), bà P cho nhân công đến đào khoai.

Việc thỏa thuận mua bán khoai giữa bà T và bà P chỉ nói miệng, không làm hợp đồng. Bà P không đưa tiền cọc trước. Sau khi đào khoai xong, bà P đã ghi số lượng khoai vào 01 tờ giấy đưa cho ông L (ông L đã cung cấp cho Tòa án).

Sau khi bán khoai xong một thời gian, bà P có đưa cho bà T số tiền 5.000.000 đồng và chưa trả số tiền bán khoai còn lại cho ông L bà và bà T.

Nay bà T thống nhất việc ông L yêu cầu bà P trả cho ông L số tiền khoai còn lại là 24.824.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

\* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 105/2019/DS– ST, ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn L, chị Đào Thị Bích T.

Buộc chị Đào Thị Kiều P trả cho ông Lương Văn L và chị Đào Thị Bích T số tiền là 11.080.000 đồng (Mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Về án phí: Ông Lương Văn L, chị Đào Thị Bích T phải chịu 687.000 đồng án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 620.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BH/2018/0002807 ngày 26/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ông Lương Văn L, chị Đào Thị Bích T phải nộp thêm 67.000 đồng (Sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Chị Đào Thị Kiều P phải nộp 554.000 đồng (Năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 02/12/2019, ông Lương Văn L là nguyên đơn của vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Lương Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm:

+ Ông L không đồng ý việc bà P bán dùm khoai cho ông.

+ Ông L yêu cầu bà Đào Thị Kiều P phải trả cho ông L toàn bộ số tiền bán khoai theo thỏa thuận ban đầu là 29.824.000 đồng. Ông L đồng ý trừ lại số tiền đã nhận là 5.000.000 đồng, còn lại 24.824.000 đồng.

- Bà Đào Thị Kiều P (U) không đồng ý với nội dung trình bày và kháng cáo của ông Lương Văn L.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Quan hệ tranh chấp:

- Ông L và bà T trình bày đã bán cho bà P 02 công khoai môn ( $1.300\text{m}^2/\text{công}$ ) với giá thỏa thuận là 29.824.000 đồng.

- Bà P xác định: Bà P chỉ bán dùm cho ông L và Thủy 02 công khoai môn ( $1.300\text{m}^2/\text{công}$ ). Sau khi trừ các khoản chi phí, bà P bán được bao nhiêu tiền sẽ giao lại cho ông L, bà T.

Xét thấy: Ông L, bà T bán khoai cho bà P hay bà P bán dùm khoai cho ông L, bà T đều không có giấy tờ, tài liệu và chứng cứ để chứng minh. Tuy

nhiên, qua lời trình bày của hai bên đương sự và diễn biến của sự việc đã cho thấy lời trình bày của ông L và bà T là có căn cứ và phù hợp, thể hiện như sau:

- Ông L sẽ là người gắp gỡ và thỏa thuận với ông D, thuê ông D kêu nhân công đào khoai, lật khoai...chứ không phải là bà P.

- Bà P là người thanh toán các khoản chi phí như: đào khoai, công lật khoai, kêu nhân công đào, chuyên chở, các chi phí khác...mà đáng lý ra, ông L và bà T phải thanh toán.

- Sau khi đào khoai xong và cân khoai, ông D (người trung gian) phía bà P đã ghi lại số lượng khoai đã cân, giao giấy lại cho ông L. Đây là hành vi của người mua khoai chứ không phải là người bán khoai dùm. Bởi vì, sau khi nhân công đào khoai xong, ông L phải là người cho cân từng loại khoai đã được phân loại, ghi giấy lại và giao cho ông D hoặc giao cho bà P.

- Với trọng lượng khoai mà ông D ghi lại, giao cho ông L, khi bà P cho chở đi bán phải được cân kiểm tra trọng lượng khoai, giao kết với ông L, bà T. Khi bán khoai, có thay đổi về trọng lượng (do hư hỏng, hao hụt trong chuyên chở...), giá khoai, chất lượng khoai...bà P phải thông báo cho ông L, bà T biết. Đồng thời, bà P bán khoai cho ai? Cơ sở thu mua nào? Bà P phải theo dõi, ghi vào sổ sách...để có căn cứ, cơ sở thanh toán lại cho ông L, bà T.

- Qua lời trình bày của những người làm chứng thể hiện tại hồ sơ: Tất cả đều xác định đã nghe và chứng kiến việc thỏa thuận bà P bán khoai dùm cho bà T. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/10/2019 và tại phiên tòa cấp phúc thẩm, lời trình bày của những người làm chứng không nhất quán, không cụ thể. Cụ thể:

+ Lời trình bày của anh Nguyễn Hoàng T1 tại Tờ tường trình ngày 21/8/2019 và Biên bản lấy lời khai của đương sự của Tòa án nhân dân huyện V đối với anh T1 cùng lời trình bày của anh T1 tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/10/2019: Anh T1 chỉ nghe chị P nói khoai rẻ, nếu được thì chị P đào khoai bán dùm. Anh T1 còn nghe chị T kêu chị P coi khoai.

+ Lời trình bày của chị Lê Thị Kim L1 tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 20/8/2019 cùng lời trình bày của chị L1 tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/10/2019: Nội dung lời trình bày của chị L1 chỉ nghe chị P nói bán khoai dùm cho chị T và chị T nói gì chị L1 nghe không rõ.

+ Lời trình bày của chị Trần Kim K tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/8/2019 cùng lời trình bày của chị K tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/10/2019: Chị T kêu chị P bán khoai nhưng giá khoai rẻ quá nên không mua. Chị P nói chị T nhờ khoai đi chị P bán dùm cho...Lúc đó, bà T và bà P đang ngồi trên võng.

Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà K trình bày: Lúc nói chuyện về việc mua bán khoai thì bà T ngồi trên ghế gần võng, bà P ngồi ở ghế hàng ngày của bà P.

+ Lời trình bày của anh Nguyễn Văn D tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 31/10/2019: Chị P điện thoại cho anh D để kêu nhân công đào khoai dùm cho chị T. Đến ngày 30/3/2019, anh D cùng nhân công đến ruộng khoai của ông L đào khoai....Tổng cộng là 7.357.000 đồng, số tiền này chị P đã bỏ ra để trả chi phí.

Lời khai của bà P và người làm chứng (D) không phù hợp về thời gian kêu bán khoai, đào khoai....và kết thúc công việc, chi phí các khoản do ông D trình bày cũng không phù hợp.

Lời khai người làm chứng được chấp nhận là chứng cứ khi nội dung lời khai phù hợp với thời gian, địa điểm, sự việc nghe và chứng kiến của người làm chứng, nội dung thỏa thuận.

Từ đó cho thấy, lời trình bày của người làm chứng thể hiện tại hồ sơ, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm không phải chứng cứ và cơ sở để xem xét và chấp nhận cho trình bày của bà P là có căn cứ.

[2] Loại khoai, trọng lượng khoai và số tiền bán khoai:

Ông L, bà T trình bày:

+ Củ cái nguyên, trên 500g được 1.971kg trừ 31 kg bao còn 1940kg bán giá 10.000 đồng/kg.

+ Củ cái sam ít, trên 500g được 1.600kg, giá 6.000 đồng/kg.

+ Củ cái sam dẻo, trên 500g được 146kg, giá 4.000 đồng/kg.

+ Củ cái nguyên dưới 500g được 40kg, giá 6.000 đồng/kg.

Căn cứ vào giấy ghi nhận trọng lượng do ông D (phía bà P) giao cho ông L vào ngày 30/3/2019, được bà P thừa nhận nên trọng lượng khoai mua bán giữa hai bên được xem xét dựa trên căn cứ này để chấp nhận.

Tuy nhiên, ông L và bà T không có chứng cứ chứng minh giá của mỗi loại khoai. Vì vậy, giá khoai do bà P trình bày cho từng loại khoai là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận. Cụ thể:

- Củ cái nguyên, trên 500g được 1.971kg trừ 31 kg bao còn 1.940kg bán giá 8.000 đồng/kg, bán được 15.520.000 đồng.

- Củ cái sam ít, trên 500g được 1.600kg, giá 4.000 đồng/kg, bán được 6.400.000 đồng.

- Củ cái sam dẻo, trên 500g được 146kg, giá 1.000 đồng/kg, bán được 146.000 đồng.

- Củ cái nguyên dưới 500g được 40kg, giá 5.000 đồng/kg, bán được 200.000 đồng.

Thành tiền là 22.266.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền ông L và bà T đã nhận trước là 5.000.000 đồng.

22.266.000 đồng - 5.000.000 đồng = 17.266.000 đồng.

Ông L, bà T không yêu cầu đối với loại khoai là củ giáo bắp có trọng lượng 1.700 kg mà xác định loại khoai này thuộc sở hữu của bà P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của ông Lương Văn L:

Từ nhận xét nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông L kháng cáo đã bán khoai cho bà P nên yêu cầu bà P trả tiếp số tiền bán khoai còn lại là 24.824.000 đồng, yêu cầu của ông L chỉ có căn cứ một phần nên chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của ông L.

Sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm:

- Không làm rõ ngày, tháng xảy ra vụ việc, diễn biến... là ngày âm lịch hay dương lịch dẫn đến lời trình bày của bà P tại nội dung của Bản án sơ thẩm (trang 2) có thể hiện ngày 30/02/2019. Điều này là chưa phù hợp và không có căn cứ.

- Không tiến hành đối chất giữa các bên đương sự, người làm chứng, làm rõ thêm lời trình bày của người làm chứng về thời gian, địa điểm, nội dung đã nghe, chứng kiến... để làm rõ nội dung của vụ án.

- Bà T có yêu cầu bà P trả cho bà số tiền bán khoai còn lại là 24.824.000 đồng nhưng không có đơn khởi kiện của bà T.

- Việc ghi lời khai của người làm chứng không có cam đoan và không đúng mẫu biên bản đã quy định.

Đối với những sai sót nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần khắc phục và rút kinh nghiệm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng nhận định bà P bán khoai dùm ông L, bà T và số lượng khoai bị hư hỏng củ sam ít, củ giáo bắp với số lượng đề nghị chấp nhận là 1.700kg.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chỉ có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;



Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lương Văn L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn L.

2. Buộc bà Đào Thị Kiều P (Út) trả cho ông Lương Văn L số tiền mua bán khoai còn lại là 17.266.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

+ Ông Lương Văn L phải chịu 378.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 620.000 đồng (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002807 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông L còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 242.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

+ Bà Đào Thị Kiều P phải chịu 863.000 đồng (Tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Văn L được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008961 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.V;
- Chi cục THADS H.V;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Liên Hiệp**